QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Luật số: /2025/QH15	*Hà Nội, ngày tháng năm 2025*

DỰ THẢO

LUẬT
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 193 như sau:

"1. Ngân hàng Nhà nước quyết định cho vay đặc biệt có tài sản bảo đảm, không có tài sản bảo đảm đối với tổ chức tín dụng. Tài sản bảo đảm của khoản vay đặc biệt từ Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Lãi suất cho vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước là 0%/năm.".

2. Bổ sung Điều 198a, Điều 198b, Điều 198c vào sau Điều 198 như sau:

"Điều 198a. Quyền thu giữ tài sản bảo đảm

1. Bên bảo đảm, ***người đang*** giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm kèm theo giấy tờ, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác và quy định của pháp luật.

Trường hợp bên bảo đảm, người ***đang*** giữ tài sản ***bảo đảm*** không giao tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ để xử lý thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ được thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều này.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự;

b) Hợp đồng bảo đảm *hoặc văn bản khác* ***(sau đây gọi là hợp đồng bảo đảm)*** có thỏa thuận về việc bên bảo đảm đồng ý cho bên nhận bảo đảm có quyền thu giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi xảy ra trường hợp xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật;

c) Biện pháp bảo đảm đã phát sinh hiệu lực đối kháng với người thứ ba theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

d) Tài sản bảo đảm ***không đang bị Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; không đang bị kê biên hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định của pháp luật; không thuộc trường hợp bị tạm đình chỉ xử lý theo quy định của pháp luật về phá sản;***

đ) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ đã ***thực hiện*** nghĩa vụ công khai thông tin theo quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này.

3. Chậm nhất là 15 ngày trước ngày tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là bất động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện công khai thông tin về thời gian, địa điểm thu giữ tài sản bảo đảm, tài sản bảo đảm được thu giữ, lý do thu giữ. ***Việc công khai thông tin được thực hiện dưới các hình thức*** sau đây:

a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình;

b) Gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan Công an ***cấp xã*** nơi có tài sản bảo đảm;

c) Thông báo cho bên bảo đảm, ***người đang*** giữ tài sản bảo đảm (nếu có).

Phương thức thông báo được thực hiện ***theo thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ*** gửi ***trực tiếp văn bản thông báo*** cho bên bảo đảm, ***người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) hoặc thông qua ủy quyền***, dịch vụ bưu chính, ***phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác theo các thông tin, địa chỉ do bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) cung cấp.***

Trường hợp bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) được xác định theo địa chỉ đã được các bên này cung cấp trước đó, theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo

thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm.

4. Trước khi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm là động sản, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ thực hiện công khai thông tin thu giữ tài sản bảo đảm. ***Việc công khai thông tin được thực hiện theo quy định sau đây:***

a) Đăng tải thông tin trên trang thông tin điện tử của mình và ***gửi văn bản thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan Công an cấp xã*** nơi bên bảo đảm đăng ký địa chỉ theo hợp đồng bảo đảm về việc thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm;

b) Thông báo cho bên bảo đảm về việc thực hiện quyền thu giữ tài sản bảo đảm.

Phương thức thông báo được thực hiện ***theo thỏa thuận. Trường hợp không có thỏa thuận thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ*** gửi ***trực tiếp văn bản thông báo*** cho bên bảo đảm ***hoặc thông qua ủy quyền***, dịch vụ bưu chính, ***phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu hoặc phương thức khác theo các thông tin, địa chỉ do bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) cung cấp.***

Trường hợp bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên nhận bảo đảm biết thì địa chỉ của bên bảo đảm, người đang giữ tài sản bảo đảm (nếu có) được xác định theo địa chỉ đã được các bên này cung cấp trước đó, theo hợp đồng bảo đảm hoặc theo thông tin được lưu trữ tại cơ quan đăng ký biện pháp bảo đảm.

5. ***Ủy ban nhân dân cấp xã*** và cơ quan Công an ***cấp xã*** nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện việc bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm.

Trường hợp bên bảo đảm không hợp tác hoặc không có mặt theo thông báo của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiến hành thu giữ tài sản bảo đảm tham gia chứng kiến và ký biên bản thu giữ tài sản bảo đảm.

6. Tổ chức tín dụng chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng đó; tổ chức mua bán, xử lý nợ chỉ được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng bán nợ, công ty quản lý nợ và khai thác tài sản thuộc tổ chức tín dụng bán nợ.

Trong quá trình thu giữ tài sản bảo đảm, tổ chức tín dụng, chi nhánh

ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ, tổ chức được ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm không được áp dụng các biện pháp vi phạm điều cấm của pháp luật, trái đạo đức xã hội.

7. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ về thực hiện thu giữ tài sản bảo đảm, bao gồm các quy định khi thực hiện việc ủy quyền thu giữ tài sản bảo đảm quy định tại khoản 6 Điều này.

Điều 198b. Kê biên tài sản của bên phải thi hành án đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu

Tài sản của bên phải thi hành án đang được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho khoản nợ xấu tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ ***chỉ*** bị kê biên theo quy định ***của Luật thi hành án dân sự*** trong trường hợp thi hành bản án, quyết định về cấp dưỡng, bồi thường thiệt hại về tính mạng, sức khoẻ **hoặc** trường hợp có sự đồng ý bằng văn bản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

Điều 198c. Hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự, *là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính* trong vụ việc vi phạm hành chính

1. Sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ.

2. Đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu, người ra quyết định tạm giữ hoàn trả cho bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ nếu không áp dụng hình thức xử phạt tịch thu đối với tang vật, phương tiện bị tạm giữ.".

3. Bãi bỏ cụm từ "hoặc trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ quyết định việc cho vay đặc biệt theo quy định tại khoản 4 Điều này" tại khoản 3 Điều 169.

4. Bãi bỏ khoản 4 Điều 169, khoản 4 Điều 172, khoản 5 Điều 179, khoản 7 Điều 183, khoản 4 Điều 193.

5. Bãi bỏ cụm từ ", 5" tại khoản 4 Điều 180.

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

1. Tổ chức tín dụng có khoản vay đặc biệt từ Ngân hàng Nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì các bên được tiếp tục thực hiện theo Quyết định cho vay đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ, hợp đồng cho vay đặc biệt đã ký và Ngân hàng Nhà nước xem xét gia hạn thời hạn vay đặc biệt với lãi suất 0%/năm theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Tổ chức tín dụng có khoản vay đặc biệt đã được Ngân hàng Nhà nước quyết định trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành:

a) Được tiếp tục thực hiện theo Quyết định cho vay đặc biệt của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, hợp đồng cho vay đặc biệt đã ký;

b) Trường hợp khoản vay đặc biệt có lãi suất thì áp dụng lãi suất 0%/năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành;

c) Được Ngân hàng Nhà nước xem xét gia hạn thời hạn vay đặc biệt theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2025.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ .... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI